

KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 53-NQ/TW,
ngày 29-8-2005 của Bộ Chính trị khoá IX đẩy mạnh phát triển
kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ
và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020

Tại phiên họp ngày 05-7-2012, sau khi xem xét báo cáo kết quả tổng kết Nghị quyết số 53-NQ/TW, ngày 29-8-2005 của Bộ Chính trị khoá IX "Về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020" của Ban cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận :

1- Về tình hình thực hiện Nghị quyết

1.1- Nghị quyết số 53-NQ/TW của Bộ Chính trị đã được các tỉnh uỷ, thành uỷ trong vùng, đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng uỷ trực thuộc Trung ương tổ chức quán triệt và thực hiện nghiêm túc. Trong 5 năm (2006 - 2010) triển khai thực hiện Nghị quyết số 53-NQ/TW của Bộ Chính trị và các chủ trương, chính sách khác của Đảng và Nhà nước, vùng Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đã đạt được những bước phát triển quan trọng trong hầu hết các lĩnh vực kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh. Nổi bật là :

Nhiều mục tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội vùng trong Nghị quyết đề ra đã hoàn thành đạt và vượt : tốc độ tăng trưởng kinh tế của toàn vùng đạt trung bình khoảng 11%/năm, tỉ trọng khu vực dịch vụ trong cơ cấu kinh tế đạt trên 40%, giải quyết việc làm hằng năm khoảng 50 vạn lao động... Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Vùng Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam tiếp tục đóng góp lớn vào thu ngân sách nhà nước và kim ngạch xuất khẩu cả nước. Hệ thống kết cấu hạ tầng vốn đạt trình độ khá nhất trong cả nước, tiếp tục được đầu tư mở rộng và nâng cấp, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Tỉ lệ đô thị hoá của vùng đạt cao nhất cả nước với nhiều chương trình đầu tư phát triển đô thị mới theo hướng đồng bộ, hiện đại. Công tác cải cách hành chính được triển khai có hiệu quả, hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp đã hướng đến phục vụ người dân và doanh nghiệp nhiều hơn, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của vùng. Các lĩnh

vực văn hoá, xã hội, giáo dục - đào tạo, y tế... đều có bước phát triển đáng kể; tỉ lệ hộ nghèo và tỉ lệ thất nghiệp giảm mạnh; an ninh trật tự xã hội và quản lý đô thị có nhiều tiến bộ, thực hiện tốt các chương trình an sinh xã hội. Đời sống nhân dân từng bước không ngừng được cải thiện. Tiềm lực quốc phòng và an ninh trên địa bàn được tăng cường, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân và khu vực phòng thủ được xây dựng và củng cố vững chắc. Hệ thống chính trị các cấp được củng cố, xây dựng và kiện toàn, phương thức hoạt động có những đổi mới và hiệu quả.

1.2- Những kết quả đạt được là to lớn và rất quan trọng, nhưng chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của vùng. Quá trình phát triển kinh tế - xã hội của vùng vẫn còn bộc lộ một số hạn chế, yếu kém chủ yếu sau đây :

- Chất lượng tăng trưởng kinh tế chưa cao, thiếu bền vững, phát triển kinh tế ở một số nơi, một số lĩnh vực còn mang tính tự phát, tỉ trọng các ngành nông - lâm - ngư nghiệp trong cơ cấu kinh tế còn cao so với mục tiêu Nghị quyết đề ra. Chưa có giải pháp cụ thể nhằm giảm dần chênh lệch về trình độ phát triển giữa các địa bàn trong vùng.

- Chất lượng nguồn nhân lực nhìn chung còn thấp, tỉ lệ lao động qua đào tạo chưa đạt mục tiêu đề ra, lao động kỹ thuật có tay nghề chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Tỉ lệ lao động thất nghiệp vẫn giữ ở mức tương đối cao so với các vùng khác trong cả nước.

- Công nghiệp phát triển nhanh nhưng thiếu tính bền vững và đồng bộ; tiến trình công nghiệp hoá chưa đi đôi với hiện đại hoá. Chi phí sản xuất công nghiệp cao, tỉ lệ nội địa hoá thấp. Chưa đạt được mục tiêu phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, có giá trị gia tăng lớn; phân bố các khu công nghiệp, khu chế xuất chưa hợp lý; chất lượng và sức cạnh tranh của nhiều sản phẩm còn thấp.

- Kết cấu hạ tầng chưa theo kịp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của vùng và đang ngày càng quá tải; ùn tắc giao thông trên các tuyến đường quốc lộ, các tuyến đường nội đô ngày càng nghiêm trọng; tình trạng quá tải ở hầu hết các trường học, cơ sở đào tạo, dạy nghề công lập, các cơ sở khám chữa bệnh ngày càng lớn. Quy hoạch và quản lý quy hoạch đô thị và khu công nghiệp còn bất cập. Tình trạng ô nhiễm môi trường, nhất là ô nhiễm nguồn nước và vấn đề xử lý chất thải rắn đang là vấn đề bức xúc trong vùng. Tình trạng ngập úng tại Thành phố Hồ Chí Minh chậm được khắc phục.

- Sự phối hợp giữa các địa phương, giữa các bộ, ngành và địa phương chưa tốt, chưa tạo được hiệu quả cần thiết trong việc kết nối hạ tầng giao thông giữa Thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh lân cận, trong phát triển đô thị, hình thành các khu xử lý chất thải rắn liên tỉnh...; vấn đề liên kết vùng và phối hợp phát triển còn yếu.

Những tồn tại trên có nguyên nhân khách quan nhưng nguyên nhân chủ quan là chủ yếu :

- Nhận thức của một số bộ, ngành và địa phương về nội dung, tầm quan trọng của Nghị quyết số 53-NQ/TW chưa triệt để, chưa thấy hết được vị trí, tiềm năng, yêu cầu phát triển của vùng Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trong tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, chưa quan tâm xây dựng cơ chế, chính sách đồng bộ, đặc thù nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng.

- Mục tiêu của Nghị quyết đề ra khá cao trong khi nguồn lực còn hạn chế và trong quá trình thực hiện chưa có dự báo chính xác những hệ lụy của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu để từ đó có các giải pháp khắc phục kịp thời, hiệu quả.

- Năng lực lãnh đạo, quản lý của các cấp uỷ đảng, chính quyền địa phương một số nơi chưa đáp ứng yêu cầu. Công tác dự báo, đánh giá tình hình còn yếu, chưa nhận định và lường hết những thuận lợi, khó khăn, thách thức để đề ra nhiệm vụ và giải pháp kịp thời, có tính khả thi cao.

- Cơ chế phối hợp vùng còn mang tính hình thức, thiếu chặt chẽ trong tổ chức thực hiện; cơ chế phối hợp trong bố trí nguồn lực chưa hiệu quả...

2- Phương hướng đến năm 2020

Để tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ của Nghị quyết số 53-NQ/TW, ngày 29-8-2005 nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng vùng Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam từ nay đến năm 2020, Bộ Chính trị yêu cầu các tỉnh uỷ, thành uỷ trong vùng, các đảng đoàn, ban cán sự đảng và đảng uỷ trực thuộc Trung ương cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện tốt một số vấn đề chủ yếu sau đây :

2.1- Nhận thức rõ vị trí, vai trò của vùng Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

Vùng Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam bao gồm Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh : Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Tiền Giang là vùng kinh tế trọng yếu, đóng góp đặc biệt quan trọng vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Phát huy các lợi thế về vị trí địa lý, cơ sở hạ tầng và các mối quan hệ đối ngoại, vùng đảm nhiệm chức năng đầu mối giao lưu với khu vực và thế giới, đi đầu trong hội nhập quốc tế của cả nước. Bên cạnh đó, vùng Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là một trung tâm giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trung tâm nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học và công nghệ hàng đầu cả nước.

2.2- Về mục tiêu đến năm 2020

Duy trì tốc độ tăng trưởng cao, tạo chuyển biến rõ rệt về chất, nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả các ngành kinh tế, chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, đóng góp hiệu quả vào quá trình tái cấu trúc nền kinh tế của cả nước. Chủ động khai thác cơ hội, phát huy tối đa lợi thế và hạn chế các mặt bất lợi trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Huy động, quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững kinh tế, xã hội, môi trường và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Phấn đấu trong thời kỳ 2011 - 2020 tốc độ tăng trưởng GDP vùng Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đạt bình quân khoảng 9 - 10%/năm. Đến năm 2020, tỉ trọng khu vực phi nông nghiệp chiếm khoảng 96% trong cơ cấu kinh tế, GDP bình quân đầu người của vùng gấp khoảng 2 lần mức bình quân chung cả nước. Kim ngạch xuất khẩu của vùng tăng trưởng bình quân 10 - 11%/năm, thu ngân sách đóng góp 55 - 60% thu ngân sách của cả nước thời kỳ 2011 - 2020.

2.3- Về nhiệm vụ

a) Về phát triển kinh tế

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, hiệu quả. Phát triển các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng, hàm lượng công nghệ cao, thu hút lao động có trình độ khoa học kỹ thuật, tay nghề chuyên môn cao; tiếp tục phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh các ngành công nghiệp chủ lực, có thế mạnh, chọn khâu đột phá phát triển các ngành mũi nhọn trong các lĩnh vực cơ khí, điện tử, hoá chất, dược phẩm, công nghiệp phần mềm, công nghệ vật liệu mới, công nghệ sinh học... Đối với khu vực dịch vụ tập trung phát triển dịch vụ cao cấp, chất lượng cao như tài chính, ngân hàng, thương mại, viễn thông, vận tải, khoa học công nghệ, đào tạo, y tế, du lịch... Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh thành một trung tâm dịch vụ chất lượng cao ngang tầm khu vực và quốc tế. Phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững theo hướng sản xuất hàng hoá lớn với hình thức tổ chức và kỹ thuật hiện đại, tạo ra sản phẩm đa dạng, an toàn, chất lượng cao phục vụ các đô thị, công nghiệp chế biến và xuất khẩu.

- Tăng cường liên kết vùng, xây dựng không gian kinh tế thống nhất nhằm phát huy lợi thế so sánh của mỗi tỉnh, thành phố và toàn vùng, tạo sự phối hợp và hỗ trợ lẫn nhau có hiệu quả giữa các địa phương. Giảm bớt sự tập trung phát triển công nghiệp vào Thành phố Hồ Chí Minh, chuyển dần các cơ sở công nghiệp sang các khu vực còn dư địa phát triển, nhất là các tỉnh Tây Ninh, Long An, Bình Phước, Tiền Giang.

b) Về phát triển kết cấu hạ tầng và đô thị

- Đẩy mạnh đầu tư xây dựng, hoàn thiện và nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, bảo đảm phát triển cân đối, đồng bộ, đi trước một

bước. Tăng cường cải tạo chất lượng các khu đô thị hiện có, đặc biệt là trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh và các đô thị lớn trong vùng. Ưu tiên đầu tư phát triển các đô thị mới, đô thị vệ tinh theo hướng đô thị xanh, đô thị sinh thái đồng bộ, nhằm giảm tải sự quá tập trung vào các đô thị trung tâm. Mở rộng và xây dựng mới các quốc lộ có nhu cầu vận tải lớn, xây dựng hệ thống đường bộ cao tốc. Hoàn thành di dời cảng trong khu vực Thành phố Hồ Chí Minh và đầu tư hoàn chỉnh cảng cửa ngõ quốc tế Cái Mép - Thị Vải. Hoàn thành cải tạo, nâng cấp các tuyến đường sắt hiện có đạt cấp tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia và khu vực; nhanh chóng phát triển giao thông vận tải bánh sắt tại các đô thị, ưu tiên triển khai tại Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn thành giai đoạn 1 cảng hàng không quốc tế Long Thành vào năm 2020. Tăng cường huy động mọi nguồn lực cho đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật nhằm sớm khắc phục tình trạng ngập úng, thiếu điện, thiếu nước sạch trong vùng.

c) Về văn hoá, xã hội

- Nâng cao chất lượng các hoạt động văn hoá, thể dục, thể thao. Tôn tạo các di tích lịch sử, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá phi vật thể gắn với phát triển du lịch. Xây dựng các thiết chế văn hoá ở các cấp, đảm bảo cơ bản hoàn chỉnh các thiết chế văn hoá ở cấp tỉnh vào năm 2015 và cấp huyện vào năm 2020. Xây dựng các công trình văn hoá, thể thao tại Thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm văn hoá, thể thao của vùng.

- Phát triển nhanh công tác đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế cho vùng và cả nước. Đưa tỉ lệ lao động qua đào tạo của vùng đạt trên 80%, tỉ lệ thất nghiệp thành thị dưới 4% năm 2020, quan tâm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh và các địa phương trong vùng trở thành một trong những trung tâm đào tạo nhân lực chất lượng cao của cả nước.

- Đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp giáo dục ở các cấp học, nâng cao chất lượng giáo dục làm tiền đề cho nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Hoàn thành chương trình kiên cố hoá trường, lớp học, xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia. Phát triển hệ thống các trường đại học, cao đẳng, các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn từng tỉnh, thành phố theo quy hoạch. Tập trung đầu tư để tăng cường cơ sở vật chất, xây dựng đội ngũ giảng viên, nâng cao chất lượng đào tạo của các trường đại học trọng điểm, đại học xuất sắc. Hình thành các trường cao đẳng nghề chất lượng cao với các nghề đạt chuẩn khu vực, quốc tế.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở khám, chữa bệnh và mạng lưới y tế dự phòng với trang thiết bị hiện đại, đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân trong vùng, ngoài vùng và một số nước trong khu vực. Kiện toàn tổ chức y tế địa phương, tăng cường đầu tư cho y tế cơ sở, y tế dự

phòng và công tác an toàn vệ sinh thực phẩm. Đảm bảo 100% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế, tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực y tế cho khu vực này. Từng bước đầu tư nâng cấp bệnh viện tuyến huyện và bệnh viện đa khoa tỉnh, đẩy mạnh xã hội hoá công tác khám chữa bệnh. Xây dựng các trung tâm y tế vùng, trung tâm y tế chất lượng cao đạt tiêu chuẩn khu vực và quốc tế.

- Thực hiện có hiệu quả các chương trình phát triển nhà ở trên địa bàn, đặc biệt là chương trình phát triển nhà ở xã hội và chương trình hỗ trợ nhà ở cho các hộ nghèo khu vực nông thôn và gia đình chính sách.

d) Về bảo vệ môi trường

Tăng cường quản lý, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường, tăng cường các biện pháp thanh tra, kiểm tra và xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường. Tiếp tục thực hiện Đề án bảo vệ môi trường lưu vực hệ thống sông Đồng Nai và sông Sài Gòn. Đẩy mạnh phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, gắn với các giải pháp chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

đ) Về quốc phòng, an ninh

- Phát triển kinh tế - xã hội kết hợp với củng cố quốc phòng, an ninh cần được tổ chức thực hiện trên từng địa bàn lãnh thổ ngay từ công tác quy hoạch, kế hoạch, xây dựng chương trình, dự án đầu tư. Xây dựng chính sách tôn giáo, dân tộc và chính sách đất đai phù hợp. Phối hợp các lực lượng có liên quan, các cấp, các ngành xây dựng, củng cố lòng tin của nhân dân, xây dựng thế trận an ninh nhân dân kết hợp với thế trận quốc phòng toàn dân vững chắc.

- Hợp tác chặt chẽ với Cam-pu-chia trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, giải quyết các vấn đề phức tạp liên quan tới an ninh trật tự khu vực biên giới, công tác phân giới cắm mốc. Tăng cường nguồn lực đầu tư, thực hiện có hiệu quả chính sách ổn định dân cư, phát triển sản xuất tại khu vực biên giới, đặc biệt là đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

2.4- Về giải pháp

- Hoàn thành việc lập và phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, làm cơ sở cho việc xây dựng, rà soát, điều chỉnh các quy hoạch ngành, lĩnh vực và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương trong vùng. Quy hoạch vùng phải bảo đảm phát huy được tối đa tiềm năng, thế mạnh của từng địa phương và của toàn vùng, định hướng cho sự phát triển hài hoà, hợp tác hiệu quả giữa các địa phương.

- Tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, ban hành đồng bộ các cơ chế, chính sách, trọng tâm là chính sách thu hút đầu tư vào các ngành công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao, tạo giá trị gia tăng lớn, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp sạch, các ngành dịch vụ chất lượng cao phù hợp với phương hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng và đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông. Nghiên cứu các cơ chế và chính sách tài chính tạo thêm điều kiện thuận lợi cho các địa phương phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời có cơ chế, chính sách nhằm tăng cường chất lượng công tác bảo vệ môi trường, huy động được sự tham gia tích cực của các thành phần kinh tế vào các lĩnh vực xử lý nước thải, chất thải, dịch vụ môi trường...

- Tăng cường vai trò chỉ đạo, điều hành của Chính phủ đối với vùng Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, trên cơ sở kiện toàn, nâng cao năng lực các cơ quan chức năng hiện nay của các bộ, ngành Trung ương có liên quan trong chỉ đạo, điều phối phát triển vùng Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

3- Tổ chức thực hiện

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ trong vùng, đảng đoàn, ban cán sự đảng và đảng uỷ trực thuộc Trung ương có chương trình, kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện Nghị quyết số 53-NQ/TW và Kết luận này của Bộ Chính trị.

- Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo, điều hành việc triển khai thực hiện Nghị quyết và Kết luận của Bộ Chính trị; phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng, các ban đảng Trung ương đôn đốc, theo dõi và định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết và Kết luận này, báo cáo Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
(Đã ký)
Lê Hồng Anh